

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận hoàn thành chương trình môn học GDQP&AN
được cấp chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM GDQP&AN-TRƯỜNG ĐẠI HỌC TĐTT BẮC NINH

Căn cứ thông tư số 10/2018/TT-BLĐTĐ ngày 26/09/2018 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ban hành quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học GDQP&AN đào tạo trình độ Cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 2295/QĐ-BVHTTDL ngày 02/7/2015 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm GDQPAN thuộc Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh;

Căn cứ kết quả thi kết thúc học phần môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên các chuyên ngành của Trường Cao đẳng Y Dược Hà Nội;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo, Quản lý sinh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận hoàn thành chương trình môn học Giáo dục quốc phòng an ninh và được cấp Chứng chỉ GDQP&AN cho 296 sinh viên bậc Cao đẳng các chuyên ngành của Trường Cao đẳng Y Dược Hà Nội được đào tạo tại Trung tâm GDQP&AN từ ngày 15/9/2025 đến ngày 26/9/2025 năm học 2025-2026. (Có danh sách kèm theo).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Phòng Đào tạo-Quản lý sinh viên, Phòng Hành chính-Tổ chức, Khoa chuyên môn và các sinh viên có tên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Trường CĐ.YDHN
- Như điều 3(t/h)
- Lưu: VT,TTGDQP (P.05)



PGS.TS. Nguyễn Văn Phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y-DƯỢC HÀ NỘI
ĐÃ HOÀN THÀNH MÔN HỌC VÀ ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ GDQP&AN**

(Kèm QĐ số: 253 /QĐ - TTQPAN ngày 07 tháng 10 năm 2025)

STT		MSSV	Họ và Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Kết quả			Ghi chú
							HP1	HP2	TBC	
*		Điều dưỡng (K24B5)								
1	1	K24B5A.01	Nguyễn Thị Ngọc Anh	27/09/2005	Hà Nội	Nữ	5.8	7.2	6.50	
2	2	K24B5B.01	Vũ Thị Phương Anh	17/10/2006	Hà Nội	Nữ	7.2	8.8	8.00	
3	3	K24B5B.02	Nguyễn Thị Hải Anh	02/12/2006	Ninh Bình	Nữ	7.2	7.4	7.30	
4	4	K24B5A.03	Trần Thị Thuý Ánh	13/05/2006	Phú Thọ	Nữ	7.2	6.5	6.85	
5	5	K24B5A.04	Đỗ Thị Ngọc Ánh	10/03/2006	Lào Cai	Nữ	7.4	8.1	7.75	
6	6	K24B5B.03	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	09/09/2006	Hà Nội	Nữ	6.5	6.7	6.60	
7	7	K24B5A.33	Lê Thu Bình	03/10/2006	Tuyên Quang	Nữ	6.5	7.2	6.85	
8	8	K24B5B.21	Sông Thị Ca	09/05/2006	Sơn La	Nữ	6.5	8.1	7.30	
9	9	K24B5A.05	Bùi Thi Chi	12/08/2006	Phú Thọ	Nữ	7.2	8.1	7.65	
10	10	K24B5B.05	Nguyễn Thị Kim Chi	18/04/2006	Bắc Ninh	Nữ	7.5	8.9	8.20	
11	11	K24B5A.07	Lương Thị Thùy Dung	02/04/2006	Lào Cai	Nữ	7.4	8.1	7.75	
12	12	K24B5B.06	Lý Thị Dung	11/11/2006	Quảng Ninh	Nữ	7.6	7.9	7.75	
13	13	K24B5A.08	Đỗ Hương Giang	10/03/2006	Hà Nội	Nữ	6.8	7.2	7.00	
14	14	K24B5A.09	Lê Phan Lưu Hà	08/09/2006	Phú Thọ	Nữ	7.2	7.9	7.55	
15	15	K24B5B.08	Ngô Thị Thu Hà	11/01/2001	Hưng Yên	Nữ	6.5	7.9	7.20	
16	16	K24B5B.11	Nguyễn Thu Hiền	16/08/2006	Tuyên Quang	Nữ	6.5	7.9	7.20	
17	17	K24B5A.10	Nguyễn Trung Hiếu	03/03/2006	Phú Thọ	Nam	6.5	8.6	7.55	
18	18	K24B5B.10	Phạm Thị Mai Hoa	22/10/2006	Hưng Yên	Nữ	7.2	7.9	7.55	
19	19	K24B5B.34	Nguyễn Thị Kim Huệ	11/08/2006	Phú Thọ	Nữ	7.4	8.6	8.00	
20	20	K24B5A.12	Phạm Thị Huyền	27/09/2006	Lào Cai	Nữ	6.5	7.9	7.20	
21	21	K24B5B.12	Nguyễn Thu Huyền	02/03/2006	Ninh Bình	Nữ	6.5	7.2	6.85	
22	22	K24B5A.11	Nguyễn Mai Hương	13/12/2005	Ninh Bình	Nữ	6.5	7.9	7.20	
23	23	K24B5B.32	Đoàn Thị Hương Liên	28/07/2006	Tuyên Quang	Nữ	6.5	8.6	7.55	

STT		MSSV	Họ và Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Kết quả			Ghi chú
							HP1	HP2	TBC	
24	24	K24B5A.13	Lâm Mai Linh	19/12/2006	Ninh Bình	Nữ	7.2	6.5	6.85	
25	25	K24B5A.14	Nguyễn Khánh Linh	21/02/2006	Tuyên Quang	Nữ	7.3	8.6	7.95	
26	26	K24B5A.15	Vũ Đoàn Khánh Linh	03/11/2006	Hải Phòng	Nữ	7.9	8.1	8.00	
27	27	K24B5B.13	Trịnh Thuỳ Linh	22/01/2006	Son La	Nữ	7.1	8.5	7.80	
28	28	K24B5B.14	Phùng Hoài Linh	27/01/2006	Thanh Hóa	Nữ	7.4	8.9	8.15	
29	29	K24B5B.31	Nguyễn Yến Linh	14/03/2006	Bắc Ninh	Nữ	6.5	7.9	7.20	
30	30	K24B5B.15	Trần Khánh Ly	25/11/2006	Hà Nội	Nữ	8.2	9.6	8.90	
31	31	K24B5B.16	Nguyễn Thị Ngọc Mai	19/03/2006	Thanh Hóa	Nữ	7.2	8.1	7.65	
32	32	K24B5A.16	Dương Thị My My	10/10/2006	Hà Nội	Nữ	6.5	8.1	7.30	
33	33	K24B5A.17	Hoàng Thị Thanh Ngân	16/08/2006	Lào Cai	Nữ	6.5	9.3	7.90	
34	34	K24B5B.17	Đào Thủy Ngân	04/07/2006	Hà Nội	Nữ	5.8	7.9	6.85	
35	35	K24B5A.19	Nguyễn Thị Ngọc	30/06/2006	Lào Cai	Nữ	7.4	7.9	7.65	
36	36	K24B5B.19	Nguyễn Thị Yến Ngọc	24/11/2006	Bắc Ninh	Nữ	6.5	8.6	7.55	
37	37	K24B5A.20	Lương Nhân Ngọc	01/01/2006	Ninh Bình	Nam	6.5	7.2	6.85	
38	38	K24B5A.21	Lưu Thị Ngọc Nhi	29/10/2006	Thanh Hóa	Nữ	7.5	9.6	8.55	
39	39	K24B5B.33	Vũ Thị Quỳnh Như	08/03/2006	Thanh Hóa	Nữ	7.4	8.6	8.00	
40	40	K24B5A.22	Ma Thị Minh Phương	14/11/2006	Lào Cai	Nữ	6.5	7.2	6.85	
41	41	K24B5A.23	Lê Trần Thanh Phương	22/04/2006	Phú Thọ	Nữ	6.7	8.6	7.65	
42	42	K24B5B.22	Nguyễn Thị Thu Phương	30/12/2006	Tuyên Quang	Nữ	6.5	8.6	7.55	
43	43	K24B5B.23	Nguyễn Văn Quân	07/09/2006	Hà Nội	Nam	7.2	7.2	7.20	
44	44	K24B5A.31	Phạm Thu Quyên	05/11/2006	Tuyên Quang	Nữ	6.5	6.5	6.50	
45	45	K24B5A.24	Lường Thị Quỳnh	19/02/2006	Lào Cai	Nữ	6.7	7.9	7.30	
46	46	K24B5A.25	Cổ Thị Thảo	24/06/2006	Lào Cai	Nữ	6.5	7.2	6.85	
47	47	K24B5B.24	Dương Thị Phương Thảo	27/12/2006	Lào Cai	Nữ	6.5	6.5	6.50	
48	48	K24B5B.25	Lê Thị Thu	08/02/2006	Thanh Hóa	Nữ	7.9	7.2	7.55	
49	49	K24B5B.26	Nguyễn Huyền Trang	03/05/2006	Tuyên Quang	Nữ	5.8	7.2	6.50	
50	50	K24B5A.28	Nguyễn Phương Uyên	01/11/2006	Hà Nội	Nữ	5.8	7.2	6.50	
51	51	K24B5B.28	Lương Thảo Vi	14/09/2006	Nghệ An	Nữ	5.8	7.9	6.85	

Phan

STT		MSSV	Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Kết quả			Ghi chú
								HP1	HP2	TBC	
52	52	K24B5A.29	Trần Đình	Vững	09/01/2006	Hà Tĩnh	Nam	7.2	7.9	7.55	
53	53	K24B5B.29	Nguyễn Văn	Vượng	24/04/2006	Hải Phòng	Nam	6.5	8.4	7.45	
54	54	K24B5B.30	Lò Thị	Xuân	10/02/2006	Điện Biên	Nữ	6.0	7.2	6.60	
*		Chăm sóc sắc đẹp (K24C1)									
55	1	K24C1A.01	Lữ Thị Phương	Anh	20/3/2006	Lào Cai	Nữ	8.0	9.6	8.80	
56	2	K24C1A.02	Nguyễn Diệu	Anh	21/8/2006	Hà Nội	Nữ	6.5	8.6	7.55	
57	3	K24C1B.02	Nguyễn Nguyễn	Anh	18/10/2006	Hung Yên	Nữ	7.2	7.2	7.20	
58	4	K24C1B.03	Nguyễn Thị Mai	Anh	18/07/2006	Hung Yên	Nữ	7.4	6.7	7.05	
59	5	K24C1B.28	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	23/09/2006	Thanh Hóa	Nữ	6.5	7.2	6.85	
60	6	K24C1A.04	Đặng Hồng	Ánh	20/04/2006	Lào Cai	Nữ	6.5	6.5	6.50	
61	7	K24C1A.05	Trịnh Thị Ngọc	Ánh	22/01/2006	Ninh Bình	Nữ	5.8	5.8	5.80	
62	8	K24C1B.04	Hà Nguyệt	Ánh	17/08/2006	Tuyên Quang	Nữ	6.1	8.9	7.50	
63	9	K24C1B.05	Bùi Thị Kim	Bình	15/07/2006	Phú Thọ	Nữ	6.5	7.9	7.20	
64	10	K24C1B.06	Nguyễn Thị	Diệu	16/12/2006	Ninh Bình	Nữ	6.5	8.1	7.30	
65	11	K24C1B.13	Nguyễn Huyền	Diệu	28/11/2006	Ninh Bình	Nữ	5.8	8.6	7.20	
66	12	K24C1B.07	Nguyễn Hương	Giang	29/07/2006	Hà Nội	Nữ	6.5	8.1	7.30	
67	13	K24C1B.29	Ngô Hương	Giang	10/09/2006	Hà Nội	Nữ	6.5	7.2	6.85	
68	14	K24C1A.08	Phạm Thị	Hằng	03/06/2006	Hà Nội	Nữ	6.6	7.4	7.00	
69	15	K24C1A.09	Vũ Thị Thanh	Hoa	27/08/2006	Ninh Bình	Nữ	6.5	7.9	7.20	
70	16	K24C1B.08	Trần Mỹ	Hoa	01/03/2006	Lào Cai	Nữ	6.8	8.9	7.85	
71	17	K24C1B.09	Tăng Thị	Huế	20/10/2006	Hải Phòng	Nữ	6.5	7.9	7.20	
72	18	K24C1A.10	Đặng Đàm Minh	Huệ	05/11/2006	Cao bằng	Nữ	7.2	7.9	7.55	
73	19	K24C1A.11	Nguyễn Thu	Huyền	30/08/2006	Hung Yên	Nữ	7.4	6.7	7.05	
74	20	K24C1A.24	Đinh Thị	Hương	28/10/2006	Đồng Nai	Nữ	7.2	7.2	7.20	
75	21	K24C1B.10	Đỗ Quỳnh	Hương	09/11/2006	Ninh Bình	Nữ	7.2	8.8	8.00	
76	22	K24C1A.06	Ngô Thị Ánh	Linh	28/01/2006	Bắc Ninh	Nữ	7.4	8.1	7.75	
77	23	K24C1A.07	Nguyễn Thùy	Linh	15/12/2006	Hà Nội	Nữ	6.5	5.8	6.15	
78	24	K24C1A.12	Nguyễn Thị Hoài	Linh	21/05/2006	Ninh Bình	Nữ	7.4	7.9	7.65	

TH
TR
GI
QU
V
Đ

thaw

STT		MSSV	Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Kết quả			Ghi chú
								HP1	HP2	TBC	
79	25	K24C1A.14	Trần Thị Khánh	Linh	01/09/2006	Ninh Bình	Nữ	8.1	7.9	8.00	
80	26	K24C1B.12	Mai Khánh	Linh	25/9/2006	Tuyên Quang	Nữ	8.1	8.1	8.10	
81	27	K24C1B.14	Nguyễn Phương	Linh	11/12/2005	Hà Nội	Nữ	6.7	5.8	6.25	
82	28	K24C1B.27	Nguyễn Khánh	Linh	20/7/2006	Hà Nội	Nữ	6.7	8.6	7.65	
83	29	K24C1B.22	Nguyễn Thị	Loan	03/08/2006	Quảng Ninh	Nữ	7.2	9.3	8.25	
84	30	K24C1B.16	Nguyễn Khánh	Ly	28/11/2006	Phú Thọ	Nữ	6.5	6.5	6.50	
85	31	K24C1B.17	Vũ Thị Hồng	Mơ	05/01/2006	Hưng Yên	Nữ	6.5	8.1	7.30	
86	32	K24C1A.17	Vũ Hà	My	11/08/2006	Thanh Hóa	Nữ	6.5	7.9	7.20	
87	33	K24C1B.18	Ngô Diệu	Mỹ	09/11/2006	Bắc Ninh	Nữ	6.5	6.5	6.50	
88	34	K24C1A.18	Đào Thị Thúy	Ngân	28/07/2006	Hà Nội	Nữ	7.2	5.8	6.50	
89	35	K24C1A.28	Dương Thị Kim	Ngân	31/01/2006	Bắc Ninh	Nữ	7.5	6.5	7.00	
90	36	K24C1A.19	Nguyễn Yến	Ngọc	17/05/2006	Hà Nội	Nữ	7.2	8.6	7.90	
91	37	K24C1B.20	Tô Khanh	Nhi	21/06/2005	Thanh Hóa	Nữ	6.8	8.9	7.85	
92	38	K24C1B.19	Nguyễn Hồng	Nhung	18/10/2006	Hà Nội	Nữ	6.8	7.2	7.00	
93	39	K24C1A.20	Vũ Thị Kiều	Oanh	12/01/2006	Thanh Hóa	Nữ	6.8	7.2	7.00	
94	40	K24C1A.21	Đỗ Quỳnh	Phương	27/07/2006	Hà Nội	Nữ	6.5	7.2	6.85	
95	41	K24C1B.21	Phạm Thu	Phương	13/11/2006	Hà Nội	Nữ	5.8	6.5	6.15	
96	42	K24C1A.15	Hà Bảo	Quyên	23/11/2006	Hà Nội	Nữ	6.5	7.9	7.20	
97	43	K24C1A.22	Nguyễn Minh	Tâm	17/08/2006	Hà Nội	Nữ	6.5	7.9	7.20	
98	44	K24C1B.23	Lê Phương	Thảo	01/11/2006	Quảng Ninh	Nữ	6.5	8.6	7.55	
99	45	K24C1A.23	Nguyễn Thị Anh	Thư	12/06/2006	Hà Nội	Nữ	5.8	9.3	7.55	
100	46	K24C1B.24	Lý Ngọc	Thương	19/05/2006	Phú Thọ	Nữ	6.7	7.9	7.30	
101	47	K24C1B.25	Đinh Mai	Trang	03/11/2006	Hà Nội	Nữ	5.8	6.5	6.15	
102	48	K24C1B.26	Hoàng Huyền	Trang	11/06/2004	Hà Nội	Nữ	6.5	7.0	6.75	
103	49	K24C1A.26	Ngô Thị Phương	Trinh	24/04/2006	Thái Nguyên	Nữ	6.5	8.6	7.55	
104	50	K24C1A.25	Phạm Văn	Vũ	23/06/2005	Ninh Bình	Nam	6.5	7.9	7.20	
105	51	K24C1A.27	Nguyễn Hồng	Yến	31/05/2006	Bắc Ninh	Nữ	8.1	6.0	7.05	

Khau

STT		MSSV	Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Kết quả			Ghi chú
								HP1	HP2	TBC	
*		Dược (K24D6)									
106	1	K24D6A.04	Bùi Quỳnh	Anh	22/05/2006	Ninh Bình	Nữ	7.5	6.5	7.00	
107	2	K24D6A.01	Đỗ Thảo	Anh	14/05/2006	Hà Nội	Nữ	7.4	6.7	7.05	
108	3	K24D6A.03	Đỗ Thị Lan	Anh	24/01/2006	Son La	Nữ	7.2	7.9	7.55	
109	4	K24D6A.02	Lê Thị Lan	Anh	27/09/2006	Thanh Hóa	Nữ	7.4	5.8	6.60	
110	5	K24D6B.01	Trần Thị Quỳnh	Anh	30/07/2006	Hung Yên	Nữ	6.7	7.9	7.30	
111	6	K24D6A.05	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	28/01/2006	Thanh Hóa	Nữ	6.8	7.2	7.00	
112	7	K24D6B.02	Lê Thị Thanh	Bình	31/01/2006	Hà Nội	Nữ	7.2	6.5	6.85	
113	8	K24D6B.03	Nguyễn Tuấn	Cường	23/10/2006	Hà Nội	Nam	6.9	7.6	7.25	
114	9	K24D6A.06	Nguyễn Hoàng Hà	Châu	11/12/2006	Hà Nội	Nữ	7.2	7.9	7.55	
115	10	K24D6B.04	Lộc Mai	Hà	16/09/2006	Lào Cai	Nữ	7.2	8.8	8.00	
116	11	K24D6B.05	Nguyễn Thu	Hằng	07/07/2006	Hung Yên	Nữ	7.9	7.9	7.90	
117	12	K24D6A.31	Nguyễn Trung	Hiếu	05/01/2006	Hà Nội	Nam	7.2	8.6	7.90	
118	13	K24D6B.06	Nguyễn Thị Thu	Hoài	10/08/2006	Ninh Bình	Nữ	7.4	7.9	7.65	
119	14	K24D6A.09	Nguyễn Thúy	Hồng	15/11/2006	Phú Thọ	Nữ	7.5	8.9	8.20	
120	15	K24D6A.10	Phạm Thị	Hồng	24/11/2006	Thanh Hóa	Nữ	6.5	6.5	6.50	
121	16	K24D6B.08	Phạm Thanh	Huyền	07/02/2006	Ninh Bình	Nữ	7.5	6.5	7.00	
122	17	K24D6B.07	Dương Thị	Hương	16/05/2005	Lạng Sơn	Nữ	7.4	7.2	7.30	
123	18	K24D6A.11	Lưu Thị Thu	Hương	22/04/2006	Phú Thọ	Nữ	7.4	7.9	7.65	
124	19	K24D6B.09	Bùi Thị	Khuê	23/08/2006	Hà Nội	Nữ	6.7	5.8	6.25	
125	20	K24D6A.14	Đinh Thùy	Linh	18/12/2006	Ninh Bình	Nữ	7.4	7.9	7.65	
126	21	K24D6B.11	Ngô Ngọc	Linh	12/11/2005	Hà Nội	Nữ	6.8	7.2	7.00	
127	22	K24D6B.10	Phan Thị Thùy	Linh	15/03/2005	Lào Cai	Nữ	7.4	7.9	7.65	
128	23	K24D6A.15	Trần Diệu	Linh	21/05/2006	Hà Nội	Nữ	6.5	9.3	7.90	
129	24	K24D6A.13	Vũ Thị Phương	Linh	05/05/2006	Thanh Hóa	Nữ	6.8	8.2	7.50	
130	25	K24D6A.30	Nguyễn Hiền	Lương	15/04/2006	Hà Nội	Nữ	7.2	7.9	7.55	
131	26	K24D6A.16	Ngô Thị Vân	Ly	01/06/2006	Ninh Bình	Nữ	6.5	7.9	7.20	
132	27	K24D6B.13	Trần Nguyễn Khánh	Ly	11/09/2006	Hung Yên	Nữ	7.4	7.2	7.30	

STT		MSSV	Họ và Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Kết quả			Ghi chú	
							HP1	HP2	TBC		
133	28	K24D6B.14	Đào Thị Trà	My	22/05/2006	Hưng Yên	Nữ	6.7	6.5	6.60	
134	29	K24D6B.16	Nguyễn Khánh	Ngọc	17/06/2006	Phú Thọ	Nữ	6.5	7.9	7.20	
135	30	K24D6A.18	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	04/01/2005	Phú Thọ	Nữ	7.4	7.9	7.65	
136	31	K24D6A.19	Lê Thị Thanh	Nhàn	21/06/2006	Ninh Bình	Nữ	8.1	7.2	7.65	
137	32	K24D6B.17	Lê Đào Ngọc	Nhi	25/09/2006	Hà Nội	Nữ	6.5	6.5	6.50	
138	33	K24D6A.20	Bùi Thị	Oanh	10/05/2006	Ninh Bình	Nữ	6.7	6.5	6.60	
139	34	K24D6B.19	Trần Thị Kiều	Oanh	08/11/2006	Ninh Bình	Nữ	6.5	6.5	6.50	
140	35	K24D6B.30	Triệu Duy	Pù	03/08/2006	Lào Cai	Nam	7.7	8.3	8.00	
141	36	K24D6B.20	Lý Nhã	Phuong	16/03/2006	Hà Nội	Nữ	5.8	8.6	7.20	
142	37	K24D6A.21	Nghiêm Minh	Quốc	24/04/2006	Hà Nội	Nam	6.2	8.3	7.25	
143	38	K24D6A.23	Đỗ Phương	Thảo	11/08/2006	Bắc Ninh	Nữ	7.7	8.9	8.30	
144	39	K24D6A.24	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	17/03/2006	Hà Nội	Nữ	6.5	7.9	7.20	
145	40	K24D6A.22	Trần Vi Thanh	Thảo	21/01/2004	Hà Nội	Nữ	7.2	7.9	7.55	
146	41	K24D6B.27	Lê Thị Huyền	Trang	14/02/2006	Hà Nội	Nữ	6.7	6.5	6.60	
147	42	K24D6B.24	Nguyễn Thị	Trang	07/02/2006	Ninh Bình	Nữ	7.2	6.5	6.85	
148	43	K24D6B.23	Tô Quỳnh	Trang	21/07/2006	Phú Thọ	Nữ	7.2	6.5	6.85	
149	44	K24D6B.26	Trần Thùy	Trang	10/05/2006	Lào Cai	Nữ	7.4	7.2	7.30	
150	45	K24D6B.25	Xeo Thị Uyên	Trang	20/12/2005	Nghệ An	Nữ	6.5	6.5	6.50	
151	46	K24D6B.22	Bùi Thị Ngọc	Trâm	18/06/2006	Hà Nội	Nữ	7.4	8.6	8.00	
152	47	K24D6A.29	Nguyễn Thanh	Vân	08/07/2006	Lào Cai	Nữ	7.5	8.2	7.85	
153	48	K24D6A.26	Lý Tuấn	Việt	16/2/2006	Cao Bằng	Nam	6.9	7.6	7.25	
154	49	K24D6A.28	Nguyễn Thị Kim	Yến	08/02/2001	Phú Thọ	Nữ	8.1	6.5	7.30	
155	50	K24D6A.27	Thạch Hải	Yến	08/04/2006	Ninh Bình	Nữ	7.4	7.9	7.65	
* Được (K24D7)											
156	1	K24D7A.01	Hà Thị Thủy	An	29/08/2006	Hồ Chí Minh	Nữ	7.9	6.5	7.20	
157	2	K24D7A.02	Lê Thị Lan	Anh	16/10/2006	Phú Thọ	Nữ	7.4	7.2	7.30	
158	3	K24D7A.03	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	17/12/2006	Ninh Bình	Nữ	8.1	8.1	8.10	
159	4	K24D7B.01	Vũ Thị Như	Anh	13/11/2005	Hà Nội	Nữ	6.5	8.6	7.55	

thaw

STT		MSSV	Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Kết quả			Ghi chú
								HP1	HP2	TBC	
160	5	K24D7B.02	Đặng Thị Mai	Anh	23/09/2006	Bắc Ninh	Nữ	7.2	6.5	6.85	
161	6	K24D7B.03	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	04/09/2006	Bắc Ninh	Nữ	7.5	8.9	8.20	
162	7	K24D7A.04	Nguyễn Ngọc	Ánh	26/06/2006	Lào Cai	Nữ	6.3	7.7	7.00	
163	8	K24D7A.05	Kiều Thị Vân	Dung	22/10/2006	Hà Nội	nữ	7.4	8.6	8.00	
164	9	K24D7B.05	Hoàng Thị Thùy	Dương	16/10/2006	Nghệ an	Nữ	6.5	7.9	7.20	
165	10	K24D7A.06	Trương Thị Hương	Giang	10/05/2006	Thanh Hóa	Nữ	5.8	6.0	5.90	
166	11	K24D7A.08	Nguyễn Minh	Hằng	28/07/2006	Hà Nội	Nữ	7.2	6.5	6.85	
167	12	K24D7B.07	Phạm Ngọc	Hân	14/10/2005	Quảng Ninh	Nữ	7.2	7.9	7.55	
168	13	K24D7A.09	Hoàng Thị	Hiên	20/09/2004	Ninh Bình	Nữ	7.2	8.6	7.90	
169	14	K24D7B.09	Phạm Thị Diệu	Hoài	24/04/2006	Lai Châu	Nữ	7.2	5.8	6.50	
170	15	K24D7B.11	Trương Quang	Huy	28/05/2006	Hà Nội	Nam	6.6	8.0	7.30	
171	16	K24D7A.12	Dương Thanh	Huyền	05/10/2006	Hà Nội	Nữ	7.2	5.8	6.50	
172	17	K24D7A.10	La Thị Thu	Hương	04/08/2006	Quảng Ninh	Nữ	6.5	9.3	7.90	
173	18	K24D7A.11	Bùi Thanh	Hường	08/05/2006	Quảng Ninh	Nữ	7.2	7.2	7.20	
174	19	K24D7B.10	Vi Thúy	Hường	18/05/2006	Tuyên Quang	Nữ	6.8	8.9	7.85	
175	20	K24D7B.12	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	11/12/2006	Đà Nẵng	Nữ	6.5	7.2	6.85	
176	21	K24D7A.13	Nguyễn Hoàng Phương	Linh	13/10/2006	Thanh Hóa	Nữ	7.2	5.8	6.50	
177	22	K24D7B.13	Hoàng Thị	Linh	04/03/2006	Thanh Hóa	Nữ	7.2	7.9	7.55	
178	23	K24D7B.28	Đoàn Phương	Linh	26/11/2006	Sơn La	Nữ	7.2	7.9	7.55	
179	24	K24D7A.15	Đào Tuyết	Mai	14/12/2006	Hưng Yên	Nữ	7.2	5.8	6.50	
180	25	K24D7A.16	Nguyễn Thu	Minh	09/11/2006	Thanh Hóa	Nữ	5.6	6.3	5.95	
181	26	K24D7B.16	Phùng Thảo	Nguyên	01/09/2006	Hà Nội	Nữ	6.5	7.9	7.20	
182	27	K24D7B.17	Hoàng Yến	Nhi	13/10/2006	Hà Nội	Nữ	7.2	7.9	7.55	
183	28	K24D7A.18	Hoàng Thị Kim	Nhung	01/08/2006	Phú Thọ	Nữ	7.9	7.9	7.90	
184	29	K24D7B.34	Nguyễn Thị	Nhung	25/09/2005	Bắc Ninh	Nữ	6.7	7.9	7.30	
185	30	K24D7B.18	Đỗ Kim	Oanh	24/03/2006	Tuyên Quang	Nữ	7.2	7.9	7.55	
186	31	K24D7A.19	Nguyễn Mai	Phương	16/12/2006	Hà Nội	Nữ	7.2	7.9	7.55	
187	32	K24D7B.19	Đặng Thu	Phương	21/01/2006	Hà Nội	Nữ	6.5	7.2	6.85	

STT		MSSV	Họ và Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Kết quả			Ghi chú
							HP1	HP2	TBC	
188	33	K24D7A.21	Phạm Thị Sen	24/12/2006	Ninh Bình	Nữ	6.5	8.6	7.55	
189	34	K24D7B.35	Phùng Văn Tinh	16/07/2005	Lào Cai	Nam	7.4	7.7	7.55	
190	35	K24D7A.24	Lường Thị Ngọc	29/08/2006	Điện Biên	Nữ	6.5	7.2	6.85	
191	36	K24D7A.22	Nguyễn Phương Thanh	21/11/2006	Hà Nội	Nữ	7.4	7.9	7.65	
192	37	K24D7B.22	Nguyễn Thị Thanh Thảo	30/12/2006	Ninh Bình	Nữ	5.8	7.9	6.85	
193	38	K24D7A.23	Nguyễn Thị Quỳnh Thơ	18/09/2006	Ninh Bình	Nữ	6.5	6.5	6.50	
194	39	K24D7A.26	Trần Thị Trang	11/03/2004	Ninh Bình	Nữ	6.5	7.9	7.20	
195	40	K24D7A.27	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	06/09/2006	Hưng Yên	Nữ	5.8	7.9	6.85	
196	41	K24D7B.24	Phùng Huyền Trang	09/09/2006	Hà Nội	Nữ	6.5	8.6	7.55	
197	42	K24D7B.25	Nguyễn Thị Thùy Trang	20/01/2006	Hưng Yên	Nữ	8.4	8.7	8.55	
198	43	K24D7B.26	Lê Thị Mai Trang	25/10/2006	Phú Thọ	Nữ	7.9	7.2	7.55	
199	44	K24D7B.27	Đoàn Thị Thanh Trúc	11/12/2006	Lào Cai	Nữ	7.4	8.9	8.15	
200	45	K24D7A.29	Vương Thị Uyên	12/03/2006	Hà Nội	Nữ	7.9	6.5	7.20	
201	46	K24D7B.29	Nguyễn Tố Uyên	09/11/2006	Ninh Bình	Nữ	7.9	6.5	7.20	
202	47	K24D7B.30	Nguyễn Thị Vân	17/10/2006	Ninh Bình	Nữ	7.2	5.8	6.50	
203	48	K24D7B.31	Phạm Thị Xuân Vân	22/05/2006	Ninh Bình	Nữ	6.5	6.5	6.50	
204	49	K24D7A.30	Nguyễn Văn Việt	29/12/2006	Nghệ An	Nam	7.7	8.3	8.00	
205	50	K24D7A.31	Nguyễn Thị Hải Yến	20/07/2006	Phú Thọ	Nữ	7.2	7.9	7.55	
* Được (K24D8)										
206	1	K24D8B.01	Nguyễn Phương Anh	14/07/2006	Ninh Bình	Nữ	7.1	7.3	7.20	
207	2	K24D8A.02	Nguyễn Ngọc Ánh	02/01/2006	Phú Thọ	Nữ	6.4	7.8	7.10	
208	3	K24D8B.02	Nguyễn Mạnh Cường	13/11/2005	Ninh Bình	Nam	6.5	8.6	7.55	
209	4	K24D8A.03	Đặng Ngọc Diệp	16/09/2006	Hà Nội	Nữ	7.8	8.0	7.90	
210	5	K24D8B.03	Nguyễn Ánh Duyên	19/12/2006	Ninh Bình	Nữ	6.4	7.8	7.10	
211	6	K24D8A.04	Quách Hương Giang	27/11/2006	Hưng Yên	Nữ	6.4	5.9	6.15	
212	7	K24D8B.05	Lê Thị Thanh Hằng	19/12/2006	Thanh Hóa	Nữ	6.4	8.0	7.20	
213	8	K24D8A.05	Nguyễn Ngọc Hân	06/05/2006	Hà Nội	Nữ	7.1	8.7	7.90	
214	9	K24D8B.06	Đường Thị Hồng	16/02/2003	Phú Thọ	Nữ	7.1	7.3	7.20	

STT		MSSV	Họ và Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Kết quả			Ghi chú
							HP1	HP2	TBC	
215	10	K24D8A.07	Hoàng Thị Kim Huệ	29/07/2006	Hà Nội	Nữ	7.1	8.0	7.55	
216	11	K24D8B.07	Nguyễn Mạnh Hùng	19/11/2006	Ninh Bình	Nam	7.0	9.0	8.00	
217	12	K24D8A.08	Lưu Thanh Huyền	28/04/2006	Hà Nội	Nữ	5.5	7.8	6.65	
218	13	K24D8B.08	Nghiêm Thị Huyền	25/04/2006	Phú Thọ	Nữ	6.6	8.7	7.65	
219	14	K24D8A.09	Phạm Đăng Khoa	30/10/2006	Hung Yên	Nam	7.2	7.9	7.55	
220	15	K24D8A.10	Nguyễn Thị Ngọc Lan	23/01/2006	Phú Thọ	Nữ	5.7	8.7	7.20	
221	16	K24D8B.09	Kiều Thị Phương Lan	29/04/2006	Hà Nội	Nữ	8.2	9.1	8.65	
222	17	K24D8B.10	Nguyễn Thị Nhật Lệ	18/01/2006	Bắc Ninh	Nữ	7.3	9.0	8.15	
223	18	K24D8B.11	Nguyễn Phương Kiều Linh	03/02/2006	Hải Phòng	Nữ	7.1	7.1	7.10	
224	19	K24D8A.14	Lê Thị Hương Ly	09/07/2006	Hà Nội	Nữ	6.6	5.9	6.25	
225	20	K24D8B.14	Trần Khánh Ly	11/09/2006	Tuyên Quang	Nữ	6.4	8.5	7.45	
226	21	K24D8B.15	Nguyễn Thị Trà My	11/07/2006	Bắc Ninh	Nữ	5.7	8.5	7.10	
227	22	K24D8A.16	Nguyễn Phương Ngân	24/06/2006	Hà Nội	Nữ	5.7	6.4	6.05	
228	23	K24D8B.16	Đinh Thúy Ngân	05/08/2006	Hà Tĩnh	Nữ	6.4	8.7	7.55	
229	24	K24D8A.17	Vũ Thị Minh Ngọc	01/02/2006	Ninh Bình	Nữ	6.4	7.3	6.85	
230	25	K24D8B.17	Trần Thị Minh Nguyệt	17/02/2005	Ninh Bình	Nữ	7.1	7.3	7.20	
231	26	K24D8B.18	Đinh Thị Nhung	01/09/2006	Quảng Ninh	Nữ	6.4	6.9	6.65	
232	27	K24D8A.18	Chu Quỳnh Như	06/04/2006	Lào Cai	Nữ	6.4	8.7	7.55	
233	28	K24D8A.31	Đồng Minh Phụng	04/08/2005	Tuyên Quang	Nam	5.8	7.2	6.50	
234	29	K24D8A.20	Nguyễn Thu Quỳnh	12/10/2006	Lào Cai	Nữ	6.2	7.8	7.00	
235	30	K24D8B.28	Vũ Thanh Tuyền	10/09/2006	Ninh Bình	Nam	7.6	9.0	8.30	
236	31	K24D8A.21	Hoàng Lê Thu Thảo	13/06/2006	Thanh Hóa	Nữ	8.0	8.3	8.15	
237	32	K24D8B.20	Nguyễn Đức Thắng	29/06/2006	Phú Thọ	Nam	6.9	7.6	7.25	
238	33	K24D8A.23	Đinh Thị Hà Thu	27/09/2006	Hung Yên	Nữ	7.1	8.0	7.55	
239	34	K24D8B.23	Lương Thị Minh Thu	20/10/2006	Hà Nội	Nữ	6.4	8.0	7.20	
240	35	K24D8B.25	Trần Thị Thủy	15/01/2006	Hà Nội	Nữ	7.1	7.1	7.10	
241	36	K24D8A.25	Viên Thị Thanh Thúy	02/08/2006	Tuyên Quang	Nữ	6.6	7.8	7.20	
242	37	K24D8A.24	Phạm Minh Thư	02/03/2006	Hung Yên	Nữ	7.8	8.7	8.25	

VÀ DƯ
M
C
NG
IH
T BẮC N

Thư

STT		MSSV	Họ và	Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Kết quả			Ghi chú
								HP1	HP2	TBC	
243	38	K24D8B.24	Phạm Anh	Thư	01/07/2004	Ninh Bình	Nữ	6.4	7.3	6.85	
244	39	K24D8A.26	Hoàng Huyền	Trang	11/08/2006	Ninh Bình	Nữ	6.4	5.9	6.15	
245	40	K24D8A.27	Ngô Thị Thuỳ	Trang	26/12/2006	Bắc Ninh	Nữ	7.1	8.7	7.90	
246	41	K24D8B.26	Nguyễn Thị	Trang	05/12/2006	Nghệ An	Nữ	7.3	9.2	8.25	
247	42	K24D8B.27	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	27/06/2006	Hà Tĩnh	Nữ	6.4	7.1	6.75	
248	43	K24D8A.28	Trần Văn	Trường	28/09/2006	Ninh Bình	Nam	6.5	7.9	7.20	
249	44	K24D8A.30	Nguyễn Thị Tường	Vi	14/11/2006	Ninh Bình	Nữ	7.1	8.0	7.55	
250	45	K24D8B.29	Ngô Trần Hà	Vi	31/01/2006	Lào Cai	Nữ	7.1	8.0	7.55	
251	46	K24D8B.30	Trần Quang	Vinh	16/10/2006	Hung Yên	Nam	7.6	7.6	7.60	
* Dược (K24D9)											
252	1	K24D9A.01	Kiều Quỳnh	Anh	13/03/2006	Thanh Hóa	Nữ	7.1	8.0	7.55	
253	2	K24D9B.01	Lê Thị Lan	Anh	05/06/2006	Thanh Hóa	Nữ	6.4	5.7	6.05	
254	3	K24D9A.27	Nguyễn Tuấn	Anh	03/06/2002	Phú Thọ	Nam	7.4	7.9	7.65	
255	4	K24D9A.03	Vi Thị Ngọc	Ánh	30/08/2005	Nghệ an	Nữ	6.4	8.0	7.20	
256	5	K24D9B.02	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	13/02/2006	Ninh Bình	Nữ	7.1	5.7	6.40	
257	6	K24D9B.29	Lê Đình	Cương	20/03/2002	Ninh Bình	Nam	7.3	8.2	7.75	
258	7	K24D9B.04	Lưu Văn	Chung	03/08/2005	Thanh Hóa	Nam	7.1	7.8	7.45	
259	8	K24D9B.05	Nguyễn Thị Thùy	Duyên	01/08/2002	Tuyên Quang	Nữ	6.4	7.6	7.00	
260	9	K24D9B.07	Nguyễn Thị	Dương	04/08/2006	Tuyên Quang	Nữ	7.3	6.9	7.10	
261	10	K24D9A.04	Nghiêm Thị Thái	Hà	19/01/2006	Thanh Hóa	Nữ	7.1	7.6	7.35	
262	11	K24D9A.05	Lê Thu	Hằng	29/05/2003	Ninh Bình	Nữ	7.1	8.5	7.80	
263	12	K24D9B.08	Trương Thị Thu	Hằng	22/08/2006	Hà Nội	Nữ	7.4	8.3	7.85	
264	13	K24D9A.29	Hoàng Mai Trung	Hiếu	02/01/2005	Phú Thọ	Nam	6.4	5.7	6.05	
265	14	K24D9A.06	Niêm Thị Thu	Huyền	22/05/2005	Tuyên Quang	Nữ	5.7	7.4	6.55	
266	15	K24D9A.07	Mai Thị Ngọc	Huyền	18/07/2006	Thanh Hóa	Nữ	6.4	8.7	7.55	
267	16	K24D9B.09	Nguyễn Nam	Khánh	02/06/2006	Hà Nội	Nam	5.7	5.7	5.70	
268	17	K24D9A.08	Phạm Thị	Liên	15/08/2005	Hà Nội	Nữ	6.4	8.0	7.20	
269	18	K24D9A.09	Phạm Thị	Linh	17/01/2006	Bắc Ninh	Nữ	6.6	7.8	7.20	

STT		MSSV	Họ và Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Giới tính	Kết quả			Ghi chú
							HP1	HP2	TBC	
270	19	K24D9A.10	Nguyễn Thùy Linh	22/04/2005	Bắc Ninh	Nữ	5.7	7.6	6.65	
271	20	K24D9A.11	Nguyễn Ngọc Gia Linh	23/12/2006	Hồ Chí Minh	Nữ	6.4	7.8	7.10	
272	21	K24D9B.11	Quảng Thị Luyến	09/11/2002	Sơn La	Nữ	6.4	6.2	6.30	
273	22	K24D9A.13	Nguyễn Duy Mạnh	18/08/2005	Hưng Yên	Nam	7.8	7.1	7.45	
274	23	K24D9B.12	Trần Thị Mừng	08/09/2006	Ninh Bình	Nữ	7.3	9.4	8.35	
275	24	K24D9A.14	Vũ Đào Trà My	19/11/2005	Hà Nội	Nữ	7.1	8.7	7.90	
276	25	K24D9B.13	Nguyễn Phùng Trà My	08/02/2006	Phú Thọ	Nữ	7.8	7.1	7.45	
277	26	K24D9A.15	Nguyễn Thị Hằng Nga	15/09/2004	Nghệ An	Nữ	6.4	8.0	7.20	
278	27	K24D9A.16	Lê Thảo Nguyên	20/12/2006	Hà Nội	Nữ	5.7	8.0	6.85	
279	28	K24D9A.17	Nguyễn Thanh Nhã	13/09/2004	Tuyên Quang	Nữ	6.6	9.7	8.15	
280	29	K24D9A.18	Nguyễn Phan Hân Nhi	24/06/2006	Nghệ An	Nữ	6.4	7.8	7.10	
281	30	K24D9A.20	Lò Thị Kiều Oanh	21/06/2006	Điện Biên	Nữ	6.6	9.4	8.00	
282	31	K24D9B.16	Đoàn Thị Lan Phương	29/06/2006	Phú Thọ	Nữ	7.1	7.3	7.20	
283	32	K24D9A.21	Lê Thảo Quyên	20/12/2006	Hà Nội	Nữ	5.7	5.9	5.80	
284	33	K24D9B.18	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	18/06/2006	Hà Tĩnh	Nữ	8.2	9.8	9.00	
285	34	K24D9A.22	Vũ Thanh Thảo	29/09/2006	Ninh Bình	Nữ	5.7	8.7	7.20	
286	35	K24D9B.20	Đỗ Kỳ Thu	09/01/2006	Bắc Ninh	Nữ	7.8	8.0	7.90	
287	36	K24D9A.23	Nguyễn Thị Thương	17/11/2006	Lào Cai	Nữ	5.7	7.8	6.75	
288	37	K24D9A.24	Lại Thùy Trang	24/04/2006	Hà Nội	Nữ	6.4	6.4	6.40	
289	38	K24D9B.21	Đào Thu Trang	26/12/2006	Ninh Bình	Nữ	7.1	5.7	6.40	
290	39	K24D9B.22	Tô Thị Huyền Trang	19/11/2006	Thanh Hóa	Nữ	7.4	8.3	7.85	
291	40	K24D9B.23	Tô Thị Mai Trang	30/07/2006	Hưng Yên	Nữ	7.4	6.6	7.00	
292	41	K24D9A.25	Trần Thị Kiều Trinh	27/08/2006	Ninh Bình	Nữ	6.4	7.8	7.10	
293	42	K24D9B.24	Phạm Thị Hồng Vân	20/08/2006	Ninh Bình	Nữ	7.8	7.8	7.80	
294	43	K24D9B.25	Phù Thúy Vinh	25/10/2006	Tuyên Quang	Nữ	7.1	7.3	7.20	
295	44	K24D9A.26	Phạm Hải Yến	29/03/2006	Hà Nội	Nữ	6.6	8.7	7.65	
296	45	K24D9B.26	Nguyễn Thị Hải Yến	04/11/2006	Hưng Yên	Nữ	5.7	7.1	6.40	

(Ấn định danh sách bao gồm 296 sinh viên) *Phạm*